

ĐÁNH GIÁ PHÂN HẠNG THÍCH HỢP ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK NÔNG

Nguyễn Quang Học¹, *, Nguyễn Bá Lâm²,
Nguyễn Quang Huy¹, Nguyễn Quang Thi^{3,4}

TÓM TẮT

Tỉnh Đắk Nông thuộc vùng Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 650.927 ha (năm 2020), trong đó, đất nông nghiệp 601.524 ha (92,41% so với tổng diện tích tự nhiên); đất phi nông nghiệp 48.070 ha (7,38%), đất chưa sử dụng 1.333 ha (0,21% diện tích đất tự nhiên). Xác định tỉnh có 467 đơn vị đất đai và phân bố: Nhóm đất G1 có 49 đơn vị đất đai; nhóm đất G2 gồm 214 đơn vị đất đai; nhóm đất G3 có 126 đơn vị đất đai; nhóm đất G4 có 49 đơn vị đất đai; nhóm đất G5 có 10 đơn vị đất đai; nhóm đất G6 gồm 9 đơn vị đất đai; nhóm đất W gồm 10 đơn vị đất đai là đất mặt nước. Phân hạng đất ở mức độ: Rất thích hợp là 85.755 ha (14,28%); thích hợp 470.396 ha (78,34%); ít thích hợp 26.905 ha (4,48%); không thích hợp 17.399 ha (chiếm 2,90% tổng diện tích điều tra). Định hướng đến năm 2030: Nhóm đất nông nghiệp giảm 13.878 ha (trong đó: đất sản xuất nông giảm 97.111 ha, đất nuôi trồng thủy sản tăng 13 ha và đất lâm nghiệp tăng 80.998 ha); nhóm đất phi nông nghiệp tăng 14.862 ha và đất chưa sử dụng giảm 984 ha. Đã đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách; giải pháp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giải pháp quản lý sử dụng đất.

Từ khóa: Sử dụng đất nông nghiệp, phân hạng thích hợp đất, Đắk Nông.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên có giới hạn. Để góp phần sử dụng hợp lý quỹ đất nông nghiệp thì việc đánh giá tiềm năng thích hợp sử dụng cho mỗi loại sử dụng đất sẽ giúp cho việc định hướng cải tạo cũng như nhu cầu vốn đầu tư. Đây chính là một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay cũng như trong tương lai rất được chú trọng nhằm đề ra các giải pháp để phát triển được một nền nông nghiệp bền vững [1]. Hiện nay, mới chỉ đánh giá phân hạng thích hợp cho 16 loại sử dụng đất nông nghiệp chính trên 136 đơn vị đất đai cho cấp vùng Tây Nguyên và làm cơ sở cho nghiên cứu đánh giá phân hạng thích hợp đất đai cho cấp tỉnh, trong đó có tỉnh Đắk Nông [2].

Tỉnh Đắk Nông thuộc vùng Tây Nguyên, có tọa độ địa lý từ 11°45' - 12°50' vĩ độ Bắc, 107°13' - 108°10' kinh độ Đông. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk. Phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Bình Phước. Phía Tây giáp Vương quốc Campuchia. Tỉnh có đặc

điểm địa hình đa dạng, có núi cao hiểm trở xen kẽ với các cao nguyên rộng lớn, dốc thoải lượn sóng, khá bằng phẳng, cùng các dải bằng phẳng thấp trũng. Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2020, tổng diện tích tự nhiên của tỉnh 650.927 ha, trong đó đất nông nghiệp 601.524 ha (92,41%), đất phi nông nghiệp 48.070 ha (7,38%) và đất chưa sử dụng còn 1.333 ha (2,21% so với tổng diện tích tự nhiên) [3], [4]. Trong những năm qua, sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh góp phần quan trọng phát triển nông nghiệp nhưng chưa có nghiên cứu thích hợp đất dẫn đến hiệu quả sử dụng đất chưa cao, trong đó có hiện tượng đất bị thoái hóa 551.430 ha, bao gồm: Thoái hóa nặng 31.205 ha, thoái hóa trung bình 242.760 ha và thoái hóa nhẹ 277.465 ha [5]. Nghiên cứu này nhằm đánh giá đất nông nghiệp thành các hạng đất thích hợp với mục đích sử dụng đất cụ thể và được phân bố về mặt không gian của từng khoanh đất trên lãnh thổ. Đây là việc làm hết sức quan trọng, phục vụ định hướng sử dụng đất phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững trong những năm tới của tỉnh Đắk Nông.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp điều tra, thu thập thông tin tài liệu

Phương pháp điều tra thu thập các số liệu thứ cấp: Thu thập thông tin, tài liệu tại UBND tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông,

¹ Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

² Công ty Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc

³ Khoa Quản lý Tài nguyên, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

⁴ Phòng Nghiên cứu Công nghệ và Giải pháp bền vững, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

*Email: nqhoc@vnua.edu.vn

các Sở, ban, ngành có liên quan, các cơ quan chuyên môn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông.

Kế thừa bản đồ đất đã xây dựng làm cơ sở điều tra bổ sung về đất [6]. Kết quả điều tra, bổ sung, chỉnh lý và xây dựng bản đồ đất tỉnh Đắk Nông. Phương pháp điều tra theo tuyến và điều tra điểm được áp dụng trong điều tra phục vụ xây dựng bản đồ chuyên đề gồm: Bản đồ đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp, bản đồ độ dày tầng đất, bản đồ độ dốc...

2.2. Phương pháp xử lý, tổng hợp, thống kê thông tin, tài liệu, số liệu

Phương pháp điều tra phỏng vấn theo nhóm và theo cá nhân các thông tin về cách thức sử dụng đất, đầu tư đầu vào, thời vụ, đầu ra, tình hình sử dụng vật tư tại các khu vực lấy mẫu, loại sử dụng đất chính để tính hiệu quả sử dụng đất làm cơ sở đánh giá phân hạng thích hợp đất nông nghiệp.

Các phương pháp tổng hợp xử lý thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ phục vụ điều tra: Xử lý nội nghiệp (thành lập bản đồ kết quả điều tra nội nghiệp, xác định ranh giới khoanh đất trên bản đồ, xây dựng sơ đồ mạng lưới điểm điều tra...); xử lý ngoại nghiệp (chỉnh lý ranh giới khoanh đất, thống kê thông tin khoanh đất điều tra...).

Phương pháp so sánh: So sánh yêu cầu sử dụng đất của từng mục đích sử dụng đất nông nghiệp với với đặc điểm, tính chất của từng đơn vị đất đai để xác định mức độ phân hạng của từng khoanh đất cho từng mục đích sử dụng đất.

2.3. Phương pháp phân hạng thích hợp đất nông nghiệp

Áp dụng Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT [7], Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT [8] và quy trình phân hạng đánh giá đất đai [9], với nội dung cách thức sau: (i) Xây dựng bản đồ đơn tính và phân cấp chỉ tiêu bản đồ đơn vị đất đai; (ii) Xây dựng yêu cầu sử dụng đất, sử dụng phương pháp cho điểm kết hợp phương pháp “yếu tố hạn chế” hoặc “khả năng cải tạo” để tổng hợp các hạng đất, đồng thời tham khảo ý kiến của các chuyên gia để kiểm tra kết quả đánh giá phân hạng. Với mỗi đặc điểm của đơn vị đất đai ở mức rất thích hợp được tính 10 điểm, thích hợp tính 7,5 điểm, ít thích hợp tính 5,0 điểm, không thích hợp tính 2,5 điểm. Đối với các mục đích sử

dụng đất trồng lúa, trồng cây hàng năm khác, trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, tổng điểm của các khoanh đất được tính cho tổng tất cả 9 đặc điểm của đơn vị đất đai. Từ đó, xác định nếu tổng điểm > 80,0 điểm đánh giá phân hạng ở mức rất thích hợp, từ 57,5 – 80,0 điểm đánh giá ở mức thích hợp, từ 35,0 - 57,5 điểm đánh giá ở mức ít thích hợp, < 35,0 điểm đánh giá ở mức không thích hợp cho từng mục đích sử dụng đất. Đối với mục đích nuôi trồng thủy sản, tổng điểm của các khoanh đất được tính cho tổng tất cả 4 đặc điểm của đơn vị đất đai (không bao gồm yếu tố về loại đất, độ dày tầng đất, thành phần cơ giới, chế độ tưới, ngập úng). Từ đó, xác định nếu tổng điểm > 35,0 điểm đánh giá phân hạng ở mức rất thích hợp, từ 25,0 – 35,0 điểm đánh giá ở mức thích hợp, từ 15,0 – 25,0 điểm đánh giá ở mức ít thích hợp, < 15,0 điểm đánh giá ở mức không thích hợp.

2.4. Phương pháp tổng hợp, xử lý dữ liệu

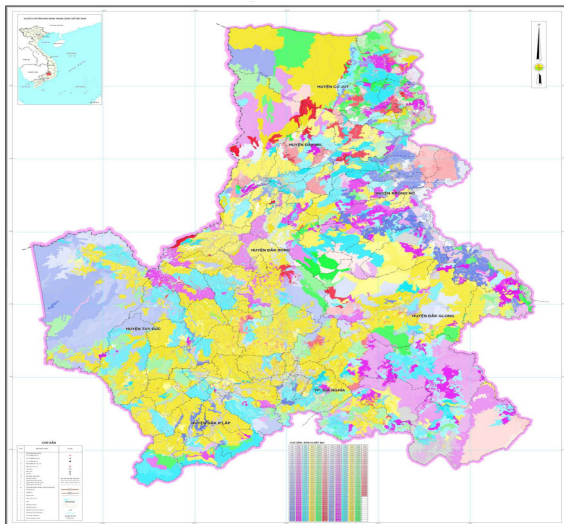
Sử dụng phần mềm ArcGIS 10.3 [10] để chồng ghép các bản đồ đơn tính, truy xuất số liệu về đặc tính đơn vị đất đai; bản đồ đơn vị đất đai tỉnh Đắk Nông tỷ lệ 1/100.000; sử dụng phần mềm chuyên dụng như SPSS Excel 2016 để thống kê, lập sơ đồ, biểu đồ, tính toán, so sánh và xử lý số liệu sơ cấp và thứ cấp.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả xây dựng bản đồ đơn vị đất đai tỉnh Đắk Nông

Sau khi chồng xếp các bản đồ đơn tính với các chỉ tiêu xây dựng bản đồ đơn vị đất đai gồm: Loại đất, độ dày tầng đất, thành phần cơ giới, độ dốc, lượng mưa, tổng tích ôn, khô hạn, chế độ tưới, ngập úng bằng phần mềm ARCGIS với kết quả thống kê cho thấy, số lượng đơn vị đất đai của tỉnh Đắk Nông khá lớn, điều này chứng tỏ các đặc tính đất đai của tỉnh là khá phức tạp và ít đồng nhất. Trên toàn bộ diện tích điều tra 600.455 ha của tỉnh Đắk Nông có 467 đơn vị đất đai gồm: Nhóm đất G1 có 49 đơn vị đất đai, phân bố ở những nơi có địa hình thấp, độ dốc < 3°. Nhóm đất G1 gồm các loại đất: Đất phù sa glây, đất phù sa không được bồi chua, đất phù sa ngòi suối và đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ. Nhóm đất G2 gồm 214 đơn vị đất đai, phân bố ở khu vực địa hình có độ dốc < 15°. Nhóm đất G2 gồm các loại đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và

đá bazan, đất đen trên sản phẩm bồi tụ của bazan, đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính, đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính. Nhóm đất G3 có 126 đơn vị đất đai, là loại đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất, phân bố ở khu vực địa hình có độ dốc < 15°. Nhóm đất G4 có 49 đơn vị đất đai, gồm đất nâu vàng trên đá cát, đất vàng đỏ trên đá macma axit, đất xám trên phù sa cổ và đất xám trên đá macma axit và đá cát. Nhóm đất G5 có 10 đơn vị đất đai, gồm đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit, đất mùn đỏ vàng trên đá sét và biến chất, phân bố ở khu vực có độ dốc lớn ($\geq 25^\circ$), địa hình bị chia cắt mạnh, chủ yếu ở các huyện Đăk Song, Krông Nô, Đăk G'Long. Nhóm đất G6 gồm 9 đơn vị đất đai, gồm đất xói mòn trơ sỏi đá, phân bố tập trung ở huyện Krông Nô. Nhóm đất W gồm 10 đơn vị đất đai là đất mặt nước, phân bố ở hầu hết các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.



Hình 1. Sơ đồ đơn vị đất đai tỉnh Đăk Nông

3.2. Kết quả phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Đăk Nông

Trên cơ sở so sánh giữa đơn vị đất đai với yêu cầu sử dụng đất của 7 mục đích sử dụng đất, đã tiến hành đánh giá khả năng thích hợp và xây dựng bản đồ thích hợp đất đai cho các mục đích. Kết quả đánh giá cho thấy, mức độ thích hợp đất đai trên các mục đích hiện tại của toàn tỉnh là rất khác biệt. Với mỗi loại mục đích sử dụng đất có mức độ thích hợp đất đai thay đổi theo vùng sinh thái, theo tiểu vùng khí hậu và thay đổi theo các mức độ hạn chế của các yếu tố trong mỗi đơn vị đất đai. Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức rất thích hợp (H1) là 85.755 ha, chiếm 14,28% tổng diện tích điều tra, chủ

yếu ở các mục đích sử dụng đất trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ, đất trồng cây lâu năm... Diện tích tập trung trên địa bàn huyện Đăk G'Long 32.687 ha, huyện Đăk Mil 15.155 ha, huyện Đăk Song 13.359 ha. Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức thích hợp (H2) là 470.396 ha, chiếm 78,34% tổng diện tích điều tra, chủ yếu trên các loại đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ... Diện tích tập trung trên địa bàn huyện Tuy Đức 97.729 ha, huyện Đăk G'Long 92.867 ha, huyện Cư Jút 60.636 ha, huyện Đăk Song 60.097 ha. Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức ít thích hợp (H3) là 26.905 ha, chiếm 4,48% tổng diện tích điều tra, chủ yếu trên các loại đất rừng đặc dụng, đất trồng cây hàng năm khác, đất rừng phòng hộ... Diện tích tập trung trên địa bàn huyện Krông Nô 7.119 ha, huyện Đăk G'Long 6.106 ha, huyện Đăk Song 4.036 ha. Diện tích hạng đất nông nghiệp ở mức không thích hợp (H4) là 17.399 ha, chiếm 2,90% tổng diện tích điều tra, chủ yếu trên các loại đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản... Diện tích tập trung trên địa bàn huyện Krông Nô 7.973 ha, huyện Đăk G'Long 3.897 ha, huyện Tuy Đức 1.726 ha, huyện Đăk Song 1.491 ha, huyện Cư Jút 1.033 ha.

3.2.1. Đối với đất trồng lúa

Hạng đất rất thích hợp: Diện tích 5.843 ha, chiếm 0,97% diện tích đất điều tra, phân bố ở tất cả các huyện, thành phố. Trong đó, tập trung nhiều ở huyện Krông Nô 1.942 ha, huyện Cư Jút 1.729 ha, huyện Đăk Mil 779 ha. Diện tích đất rất thích hợp để trồng lúa tập trung ở các đơn vị đất: 3, 6, 14, 23, 28, 30, 33... Đặc tính chung của các đơn vị đất rất thích hợp để trồng lúa là được tưới chủ động, độ dốc < 3°, thành phần cơ giới trung bình và có tầng dày đất > 100 cm thuộc các nhóm đất phù sa và đất thung lũng. Hạng đất thích hợp: Có diện tích là 1.486 ha, chiếm 0,25% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Cư Jút 664 ha, huyện Krông Nô 372 ha, huyện Đăk Mil 245 ha, huyện Đăk G'Long 112 ha. Diện tích đất thích hợp để trồng lúa tập trung ở các đơn vị đất: 1, 11, 16, 118, 136, 147... Đặc tính chung của các đơn vị đất đai thích hợp để trồng lúa là có độ dốc < 8°, chế độ tưới từ bán chủ động đến chủ động, thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, độ dày tầng đất > 50 cm, thuộc các loại đất phù sa, đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ, đất đỏ vàng. Hạng đất ít thích hợp: Có diện tích

1.392 ha, chiếm 0,23% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Cư Jút 712 ha, huyện Krông Nô 219 ha, huyện Đắk G'Long 217 ha, huyện Đắk Mil 104 ha. Diện tích đất ít thích hợp cho đất trồng lúa tập trung ở các đơn vị đất: 123, 150, 196, 197, 206, 267, 305, 400... Đặc tính của các đơn vị đất đai ít thích hợp để trồng lúa là đất có thành phần cơ giới nhẹ, độ dày tầng đất mỏng, bị hạn chế về chế độ tưới và độ dốc > 8°. Hạng đất không thích hợp: Có diện tích 591.734 ha, chiếm 98,55% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Đắk G'Long 134.923 ha, huyện Tuy Đức 105.813 ha, huyện Đắk Song 74.937 ha, huyện Krông Nô 71.040 ha. Tập trung tại các đơn vị đất: 149, 153, 170, 255, 262, 392... Đặc tính của các đơn vị đất đai không thích hợp để trồng lúa đều có chế độ tưới nhờ nước trời, được phân bố chủ yếu ở những nơi có độ dốc lớn.

3.2.2. Đối với đất trồng cây hàng năm khác

Hạng đất rất thích hợp: Có diện tích là 49.597 ha, chiếm 8,26% tổng diện tích điều tra, phân bố ở tất cả các huyện, thành phố. Trong đó, tập trung nhiều ở huyện Tuy Đức 12.068 ha, huyện Đắk Song 8.924 ha, huyện Đắk Mil 7.211 ha, huyện Đắk G'Long 6.650 ha. Diện tích đất rất thích hợp để trồng cây hàng năm khác tập trung ở các đơn vị đất đai: 1, 9, 10, 18, 30, 32, 33, 36, 44, 65, 69... Đặc tính của các đơn vị đất đai rất thích hợp để trồng cây hàng năm khác phân bố ở những nơi có độ dốc < 8°, thành phần cơ giới từ nhẹ đến trung bình và chủ yếu ở những nơi có độ dày tầng đất > 100 cm. Hạng đất thích hợp: Có diện tích là 343.455 ha, chiếm 57,20% diện tích điều tra, tập trung nhiều nhất ở huyện Cư Jút 60.783 ha, huyện Đắk G'Long 58.048 ha, huyện Đắk Mil 50.551 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 2, 4, 5, 7, 11 - 13, 15 - 17, 20, 21, 25... Đặc tính của các đơn vị đất này chủ yếu ở những nơi có độ dốc < 15°, trên nhóm đất phù sa, đất thung lũng, đất đen và đất đỏ vàng. Hạng đất ít thích hợp: Có diện tích 66.209 ha, chiếm 11,03% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Đắk G'Long 33.514 ha, huyện Krông Nô 13.428 ha. Tập trung tại các đơn vị đất đai: 22, 102, 156, 158, 161, 165, 167, 191... Đặc tính của những đơn vị đất đai ít thích hợp để trồng cây hàng năm chủ yếu là phân bố trên nhóm đất đỏ vàng, chế độ tưới tưới nhờ nước trời, độ dốc lớn > 15°. Hạng đất không thích hợp: Có diện tích 141.194 ha, chiếm 23,51% tổng diện tích

điều tra, tập trung nhiều ở huyện Tuy Đức 47.103 ha, huyện Đắk G'Long 37.346 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 49, 58, 63, 75, 82, 87, 99, 105, 107, 152, 170... Đặc tính của các đơn vị đất đai không thích hợp cho trồng cây hàng năm phân bố trên nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá hoặc đất mùn đỏ vàng trên núi, có độ dốc > 15°, chế độ tưới nhờ nước trời.

3.2.3. Đối với đất trồng cây lâu năm

Hạng đất rất thích hợp: Có diện tích là 25.913 ha, chiếm 4,32% tổng diện tích điều tra, phân bố ở tất cả các huyện, tập trung nhiều tại huyện Đắk Mil 12.485 ha, huyện Đắk Song 5.450 ha, huyện Đắk G'Long 2.991 ha, huyện Krông Nô 2.670 ha. Diện tích đất rất thích hợp trồng cây lâu năm tập trung ở các đơn vị đất đai: 9, 27, 30, 70, 71, 77, 78, 84, 89 - 91, 93, 95, 115 - 117, 119, 132 - 134, 137, 141, 142, 145, 160, 164, 214, 275, 276, 278, 284, 301, 321, 419. Đặc tính của các đơn vị đất rất thích hợp cho trồng cây lâu năm là đất có độ dày tầng đất > 50 cm, thành phần cơ giới đất trung bình, phân bố chủ yếu ở những nơi có độ dốc < 8°, phân bố trên đất đỏ vàng và các loại đất phù sa. Hạng đất thích hợp: Có diện tích là 500.555 ha, chiếm 83,36% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Đắk G'Long 109.922 ha, huyện Tuy Đức 82.801 ha, huyện Đắk Song 63.853 ha, huyện Krông Nô 57.149 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 1 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 13, 14, 16 - 22, 24 - 26, 28, 29... Đặc tính chủ yếu của các đơn vị đất thích hợp để trồng cây lâu năm, thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, độ dày tầng đất > 50 cm. Hạng đất ít thích hợp: Có diện tích 56.939 ha, chiếm 9,48% tổng diện tích điều tra, phân bố nhiều ở huyện Tuy Đức 23.018 ha, huyện Đắk G'Long 13.380 ha, huyện Krông Nô 9.253 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 58, 63, 67, 75, 82, 87, 99, 105, 107, 152, 173, 200... Đặc tính chủ yếu của các đơn vị đất đai ít thích hợp để trồng cây lâu năm, chế độ tưới nhờ nước trời, phân bố ở những nơi có độ dốc > 15°. Hạng đất không thích hợp: Có diện tích 17.048 ha, chiếm 2,84% tổng diện tích điều tra, tập trung ở huyện Đắk G'Long 9.265 ha, huyện Krông Nô 4.501 ha, huyện Cư Jút 1.061 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 431, 433, 445, 448, 450, 451, 453. Đặc tính của các đơn vị đất đai không thích hợp để trồng cây lâu năm, chủ yếu phân bố trên các nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi, đất xói mòn trơ sỏi đá, ở những nơi có độ dốc > 25°, chế độ tưới nhờ nước trời.

3.2.4. Đối với đất rừng sản xuất

Hạng đất rất thích hợp: Có diện tích là 110.063 ha, chiếm 18,33% tổng diện tích điều tra, phân bố ở tất cả các huyện, tập trung nhiều nhất ở huyện Đắk G'Long 49.912 ha, huyện Krông Nô 20.367 ha, huyện Đắk Mil 12.723 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 102, 105, 140, 155, 156, 161, 165, 167, 170, 276, 277, 282, 285, 286, 288, 290, 292, 294, 296, 298, 311, 319, 322, 323, 325, 341, 343, 344, 372, 373. Đặc tính của các đơn vị đất đai rất thích hợp cho trồng rừng sản xuất là phân bố trên nhóm đất đỏ vàng, có độ dày tầng đất > 50 cm, thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, độ dốc 8 – 15°. Hạng đất thích hợp: Có diện tích là 450.239 ha, chiếm 74,98% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Tuy Đức 96.257 ha, huyện Đắk G'Long 74.851 ha, huyện Đắk Song 66.157 ha. Diện tích đất thích hợp cho trồng rừng sản xuất tập trung ở các đơn vị đất đai 51 - 53, 55, 56, 59, 61, 63... Đặc tính chủ yếu của các đơn vị đất đai thích hợp để trồng rừng sản xuất, độ dày tầng đất > 50 cm, thành phần cơ giới trung bình, độ dốc từ 15 - 25°. Hạng đất ít thích hợp: Có diện tích 22.889 ha, chiếm 3,81% tổng diện tích điều tra, phân bố nhiều ở huyện Đắk G'Long 10.060 ha, huyện Krông Nô 6.171 ha. Tập trung tại các đơn vị đất đai: 178, 350, 439, 440, 441, 444, 445, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 455. Đặc tính của các đơn vị đất đai ít thích hợp cho trồng rừng sản xuất là phân bố trên nhóm đất mùn đỏ vàng trên núi, có độ dốc < 8°. Hạng đất không thích hợp: Có diện tích 17.264 ha, chiếm 2,88% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Krông Nô 6.522 ha, huyện Đắk R'Lấp 3.071 ha, huyện Cư Jút 1.894 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 12, 19, 22, 25, 34, 38, 42, 48, 49. Đặc tính của các đơn vị đất đai không thích hợp cho trồng rừng sản xuất là phân bố trên các loại đất phù sa, đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ và nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá, độ dốc > 25°.

3.2.5. Đối với đất rừng phòng hộ

Hạng đất rất thích hợp: Có diện tích là 78.310 ha, chiếm 13,04% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Đắk G'Long 47.469 ha, huyện Krông Nô 14.080 ha. Tập trung ở các đơn vị đất đai: 102, 107, 282, 288, 290, 292, 330, 341, 348, 349, 350, 383. Đặc tính của các đơn vị đất đai rất thích hợp cho trồng rừng phòng hộ phân bố trên nhóm đất đỏ vàng và đất mùn đỏ vàng trên núi, có độ dốc > 15°.

Hạng đất thích hợp: Có diện tích 494.233 ha, chiếm 82,31% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Tuy Đức 102.401 ha, huyện Đắk G'Long 86.932 ha, huyện Đắk Song 68.361 ha, huyện Cư Jút 61.685 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 50 - 52, 55, 56, 59, 61, 63, 68, 82, 96, 99, 122, 140, 146... Đặc tính các đơn vị đất thích hợp cho trồng rừng phòng hộ là phân bố trên nhóm đất đỏ vàng, có độ dốc > 25°. Hạng đất ít thích hợp: Có diện tích 9.609 ha, chiếm 1,60% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Krông Nô 5.210 ha, huyện Cư Jút 2.620 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 449, 453, 454, 456. Đặc tính của các đơn vị đất ít thích hợp cho đất trồng rừng phòng hộ là phân bố trên nhóm đất đỏ vàng (đá macma bazơ và trung tính), hoặc nhóm đất đen, có độ dốc từ 8 - 15°. Hạng đất không thích hợp: Có diện tích 18.304 ha, chiếm 3,05% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Krông Nô 7.562 ha, huyện Đắk R'Lấp 3.071 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 12, 48, 450, 451. Đặc tính của các đơn vị đất không thích hợp cho trồng rừng phòng hộ là phân bố trên các loại đất phù sa, đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ, độ dốc < 8°.

3.2.6. Đối với đất rừng đặc dụng

Hạng đất rất thích hợp: Có diện tích là 79.639 ha, chiếm 13,26% tổng diện tích điều tra, phân bố ở tất cả các huyện, tập trung nhiều ở huyện Đắk G'Long 48.189 ha, huyện Krông Nô 14.190 ha, huyện Đắk R'Lấp 7.007 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 178, 288, 290, 292, 295, 341, 348, 349, 350, 442, 444, 445, 446. Đặc tính của các đơn vị đất rất thích hợp cho đất rừng đặc dụng là phân bố trên nhóm đất đỏ vàng và đất mùn vàng đỏ trên núi, có độ dốc > 15°. Hạng đất thích hợp: Có diện tích là 492.904 ha, chiếm 82,09% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Tuy Đức 102.401 ha, huyện Đắk G'Long 86.212 ha, huyện Đắk Song 67.863 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 108, 111, 126, 188, 203, 205, 247, 262, 265, 267, 279, 307, 315, 335, 336, 344, 362, 365, 366, 368, 370, 375, 378, 390, 415, 439, 440, 441, 448. Đặc tính của các đơn vị đất đai thích hợp cho đất rừng đặc dụng, phân bố ở những nơi có độ dốc từ 15 – 25°, thuộc nhóm đất đỏ vàng. Hạng đất ít thích hợp: Có diện tích 9.609 ha, chiếm 1,60% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Krông Nô 5.210 ha, huyện Cư Jút 2.620 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 449, 452, 453. Đặc tính của các đơn vị đất đai ít thích

hợp cho đất trồng rừng đặc dụng, phân bố trên nhóm đất đỏ vàng (trên macma bazơ và trung tính), nhóm đất đen. Hạng đất không thích hợp: Có diện tích 18.304 ha, chiếm 3,05% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Krông Nô 7.562 ha, huyện Đắk R'Lấp 3.071 ha, huyện Cư Jút 1.894 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 450, 451. Đặc tính của các đơn vị đất không thích hợp cho đất trồng rừng đặc dụng, phân bố trên các loại đất phù sa, đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ, có độ dốc < 15°.

3.2.7. Đối với đất nuôi trồng thủy sản

Hạng đất rất thích hợp: Có diện tích 1.188 ha, chiếm 0,20% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Cư Jút 517 ha, huyện Krông Nô 247 ha, huyện Đắk Song 144 ha. Diện tích rất thích hợp cho nuôi trồng thủy sản tập trung ở các đơn vị đất: 458, 459, 460, 461, 462. Hạng đất thích hợp: Có diện tích 2.344 ha, chiếm 0,39% tổng diện tích điều tra, tập trung nhiều ở huyện Đắk Song 746 ha, thành phố Gia Nghĩa 451 ha, huyện Tuy Đức 275 ha, huyện Đắk G'Long 266 ha. Diện tích thích hợp cho nuôi trồng thủy sản tập trung ở các đơn vị đất: 463, 464,

465, 466, 467. Không có hạng đất ít thích hợp. Hạng đất không thích hợp: Có diện tích 596.924 ha, chiếm 99,41% tổng diện tích điều tra, tập trung ở huyện Đắk G'Long 135.250 ha, huyện Tuy Đức 106.096 ha. Tập trung ở các đơn vị đất: 1 - 457. Đây là diện tích các khoanh đất hiện đang canh tác nông, lâm nghiệp, không có mặt nước để nuôi trồng thủy sản.

3.3. Định hướng và đề xuất giải pháp sử dụng đất sử dụng đất nông nghiệp bền vững

3.3.1. Định hướng cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh Đắk Nông

Kết quả xây dựng trên các căn cứ sau: Các quan điểm, mục tiêu khai thác tài nguyên đất bền vững; dự thảo quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 các huyện, thành phố; định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông, của các ngành, các địa phương trong tỉnh và kết quả nghiên cứu điều tra, phân hạng đất nông nghiệp thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2030 tỉnh Đắk Nông

TT	Loại sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030 (ha)	Tăng (+), giảm (-)
I	Đất nông nghiệp	NNP	601.601	587.723	-13.878
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	385.135	288.024	-97.111
2	Đất lâm nghiệp	LNP	211.983	292.981	80.998
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.532	3.545	13
II	Đất phi nông nghiệp	PNN	47.920	62.782	14.862
III	Đất chưa sử dụng	CSD	1.406	422	-984

Bảng 1 cho thấy, đến năm 2030, đối với nhóm đất nông nghiệp giảm 13.878 ha (trong đó, đất sản xuất nông nghiệp giảm 97.111 ha, đất nuôi trồng thủy sản tăng 13 ha và đất lâm nghiệp tăng 80.998 ha); nhóm đất phi nông nghiệp tăng 14.862 ha và đất chưa sử dụng giảm 984 ha so với năm 2020.

3.3.2. Đề xuất các giải pháp

- Giải pháp về cơ chế, chính sách: Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái. Có chính sách tạo điều kiện để người dân dễ dàng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất nông nghiệp nhằm tăng

hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu của thị trường. Tiến hành thâm canh, tăng vụ, giúp nông dân đưa các giống mới năng suất cao, chống chịu sâu, bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất, kết hợp với đầu tư bồi bổ, cải tạo đất. Tiếp tục triển khai các chính sách “đòn điền đổi thửa”, khuyến khích tập trung đất đai để áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, xây dựng các khu sản xuất hàng hóa tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ.

- Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Tăng cường công tác tổ chức, thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND tỉnh ban hành các định chế về quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các chế tài xử lý đối

với các tổ chức, cá nhân vi phạm. Đưa các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vào các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất; giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới; giao đất cụ thể đến các đối tượng trực tiếp sử dụng đất. Trong kỳ thời kỳ quy hoạch, hàng năm các địa phương cần thực hiện tốt lập kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phù hợp với mục tiêu phát triển cho từng ngành ở địa phương. Đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng, tiếp tục rà soát, xác định rõ ranh giới, cắm mốc và công khai đến từng đơn vị hành chính cấp xã các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt. Đối với các loại đất còn lại, cần rà soát lại quy hoạch các ngành theo hướng bố trí, sử dụng đất hợp lý. Cần ưu tiên bố trí đất để phát triển hạ tầng tạo động lực cho thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ. Rà soát, điều chỉnh lại quỹ đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh để đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

- Giải pháp về quản lý sử dụng đất: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai, nhất là quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP [15] để nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân. Quá trình xử lý các quan hệ về đất đai phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật; xử lý tốt mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - doanh nghiệp - nhân dân, khuyến khích chủ đầu tư tự thỏa thuận với người sử dụng đất theo quy định pháp luật. Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự chuyển đổi đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản, hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo quy hoạch. Thực hiện quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo quy định của pháp luật hiện hành. Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương và các chủ rừng trong việc quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch đất rừng như quy hoạch đã xác định.

4. KẾT LUẬN

Toàn tỉnh Đắk Nông có 467 đơn vị đất đai, phân bố: Nhóm đất G1 có 49 đơn vị đất đai, phân bố: Đất phù sa glây, đất phù sa không được bồi chua, đất phù sa ngòi suối và đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ; nhóm đất G2 có 214 đơn vị đất đai, phân bố: Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và đá bazan, đất đen trên sản phẩm bồi tụ của bazan, đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính, đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính; nhóm đất G3 có 126 đơn vị đất đai, là loại đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất; nhóm đất G4 có 49 đơn vị đất đai, gồm các loại đất: Đất nâu vàng trên đá cát, đất vàng đỏ trên đá macma axit, đất xám trên phù sa cổ, đất xám trên đá macma axit và đá cát; nhóm đất G5 có 10 đơn vị đất đai, gồm các loại đất: Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit, đất mùn đỏ vàng trên đá sét và biến chất; nhóm đất G6 gồm 9 đơn vị đất đai, phân bố ở đất xói mòn trơ sỏi đá; nhóm đất W, gồm 10 đơn vị đất đai là đất mặt nước.

Đánh giá đất nông nghiệp ở mức độ: (i) Rất thích hợp (H1) là 85.755 ha, chiếm 14,28% tổng diện tích điều tra, chủ yếu ở các mục đích sử dụng đất trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ, đất trồng cây lâu năm; (ii) Thích hợp (H2) là 470.396 ha, chiếm 78,34% tổng diện tích điều tra, chủ yếu trên các loại đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ; (iii) Ít thích hợp (H3) là 26.905 ha, chiếm 4,48% tổng diện tích điều tra, chủ yếu trên các loại đất rừng đặc dụng, đất trồng cây hàng năm khác, đất rừng phòng hộ; (iv) Không thích hợp (H4) là 17.399 ha, chiếm 2,90% tổng diện tích điều tra, chủ yếu trên các loại đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản.

Đề xuất đến năm 2030, đất nông nghiệp 587.723 ha giảm 13.878 ha, trong đó, đất sản xuất nông nghiệp 288.024 ha giảm 97.111 ha, đất lâm nghiệp 292.981 ha tăng 80.998 ha và đất nuôi trồng thủy sản 3.545 ha tăng 13 ha so với năm 2020. Nhóm đất phi nông nghiệp tăng 14.862 ha và đất chưa sử dụng giảm 984 ha. Đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách; giải pháp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giải pháp quản lý sử dụng đất. Trong những năm tới cần thiết triển khai đánh giá phân hạng đất nông nghiệp cho từng huyện, thị trong tỉnh ở bản đồ tỷ lệ 1/25.000 để chi tiết được đến từng đối tượng cây con chủ lực trên địa bàn cấp huyện, thị, tỉnh Đắk Nông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2009). *Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp, tập 3: Tài nguyên đất Việt Nam thực trạng và tiềm năng sử dụng*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. Trang 12 - 15.
2. Trần Đức Viên (2021). Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng tại Tây Nguyên. Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học công nghệ độc lập cấp Quốc gia, mã số ĐTĐL-CN-18/18. Trang 65 - 67; 312 - 318.
3. Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông (2015 - 2021). Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Nông các năm 2015 - 2021.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (2021). Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu tỉnh Đắk Nông.
5. Nguyễn Quang Học, Nguyễn Bá Lâm, Nguyễn Quang Huy (2020). Nghiên cứu đánh giá thoái hóa đất tỉnh Đắk Nông vùng Tây Nguyên. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, số 382, trang 20 - 26.
6. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2005). Kết quả điều tra, bổ sung, chỉnh lý và xây dựng bản đồ đất tỉnh Đắk Nông.
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014). Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định về điều tra đánh giá đất đai.
8. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015). Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất.
9. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2009). *Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp, tập 2: Phân hạng đánh giá đất đai*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. Trang 64 - 142.
10. Wilpen LGorr & SKristen (2011). GIS Tutorial 1: Basic Workbook. ESRI Press Redland, California. USA.
11. Chính phủ (2014). *Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*.

ASSESSMENT AND CLASSIFICATION OF AGRICULTURAL LAND OF DAK NONG PROVINCE

Nguyen Quang Hoc¹, Nguyen Ba Lam²,
Nguyen Quang Huy¹, Nguyen Quang Thi^{3,4}

¹Faculty of Natural Resources and Environment, Vietnam National University of Agriculture

²Northern Investment and Consulting Company

³Faculty of Resources Management, Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

⁴Sustainable Technology and Solution Laboratory, Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

Summary

Dak Nong province in the Central Highlands has a natural area of 650,927 hectares (2020), of which: 601,524 ha of agricultural land, (92.41%); Non-agricultural land 48,070 ha (7.38%); Unused land 1,333 ha (0.21% of natural land area). The province has 467 land units and its distribution: Land group G1 has 49 land units; Land group G2: includes 214 land units; Land group G3: There are 126 land units; Land group G4 has 49 land units; Land group G5 has 10 land units; Land group G6: Including 9 land units; Land group W: Includes 10 land units which are water surface. Land classification at the level: Very suitable is 85,755 ha (14.28%); Suitable 470,396 ha (78.34%); Less suitable 26,905 ha (4.48%); Unsuitable 17,399 ha (accounting for 2.90% of the total surveyed area). Orientation (by 2030): The agricultural land group will decrease by 13,878 hectares (in which: agricultural land will decrease by 97,111 hectares, aquaculture land will increase by 13 hectares and forestry land will increase by 80,998 hectares); Non-agricultural land group increased by 14,862 ha and unused land decreased by 984 ha. Proposing solutions on mechanisms and policies; planning solutions, land use plans; Land use management solutions.

Keywords: Agricultural land use, land suitability classification, Dak Nong.

Người phản biện: TS. Hoàng Tuấn Hiệp

Ngày nhận bài: 19/6/2023

Ngày thông qua phản biện: 15/11/2023

Ngày duyệt đăng: 11/4/2024